

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 11-ĐÀ NẴNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 14/2025/HS-ST

Ngày: 25/9/2025

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 11-ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa: Ông: ALăng Ping.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông: Hồ Xuân Ngân;

Ông: Võ Đình Vinh;

- *Thư ký phiên tòa:* Bà: Lê Thị Linh Giang - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 11-Đà Nẵng.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 11-Đà Nẵng tham gia phiên tòa:* Bà: Võ Thị Ngọc Bích – Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 9 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 11-Đà Nẵng xét xử sơ thẩm, công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 09/2025/TLST-HS ngày 03 tháng 9 năm 2025 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 13/2025/QĐXXST-HS ngày 11 tháng 9 năm 2025 đối với các bị cáo:

1. Nguyễn Đình C; Giới tính: nam; sinh ngày 24 tháng 9 năm 1995 tại xã T, thành phố Đ (huyện Đ, tỉnh Q cũ); Nơi ĐKKHKT và nơi ở hiện tại: Thôn M, xã T, thành phố Đ (Thôn M, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Q cũ); Nghề nghiệp: làm nông; Trình độ học vấn: Lớp 8/12; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Nguyễn C1 (đã chết) và bà Nguyễn Thị P (sinh năm 1975);

Tiền án, tiền sự: Không có; Nhân thân: Ngày 17/7/2014, bị Công an huyện Đ xử phạt vi phạm hành chính số tiền 750.000 đồng về hành vi đánh nhau; Ngày 23/4/2015, bị Tòa án nhân dân huyện Đại Lộc tuyên phạt 30 tháng tù về tội “Cố ý gây thương tích” (đã chấp hành xong hình phạt vào ngày 28/8/2017).

Bị cáo có vợ tên là Nguyễn Thị Thanh V (sinh năm 1995) và có 02 con, sinh năm 2015 và năm 2018;

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 13/3/2025. (Có mặt).

2. Nguyễn Công H; Giới tính: nam; sinh ngày 08 tháng 01 năm 2006 tại xã T, thành phố Đ (huyện Đ, tỉnh Q cũ); Nơi ĐKKHKT và nơi ở hiện tại: Thôn T, xã T, thành phố Đ (Thôn T, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Q cũ); Nghề nghiệp: lao động phổ thông; Trình độ học vấn: Lớp 8/12; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Nguyễn Công D (sinh năm 1964) và bà Nguyễn Thị S (sinh năm 1969);

Tiền án, tiền sự: Không có;

Bị cáo chưa có vợ, con;

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 13/3/2025. (Có mặt).

3. Lê Hoàng T; Giới tính: nam; sinh ngày 29 tháng 01 năm 1997 tại xã T, thành phố Đ (huyện Đ, tỉnh Q cũ); Nơi ĐKKHKT và nơi ở hiện tại: Thôn Đ, xã T, thành phố Đ (Thôn Đ, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Q cũ); Nghề nghiệp: lao động phổ thông; Trình độ học vấn: Lớp 10/12; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Lê Thanh G (sinh năm 1967) và bà Trần Thị Thu L (sinh năm 1969);

Tiền án, tiền sự: Không có; Nhân thân: Ngày 07/4/2022, bị Tòa án nhân dân huyện Đại Lộc tuyên phạt 06 tháng 04 ngày tù về tội “Che giấu tội phạm” (đã chấp hành xong hình phạt vào ngày 07/4/2022);

Bị cáo chưa có vợ, con;

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 13/3/2025. (Có mặt).

4. Nguyễn Thành L1; Giới tính: nam; sinh ngày 30 tháng 6 năm 2001 tại xã T, thành phố Đ (huyện Đ, tỉnh Q cũ); Nơi ĐKKHKT và nơi ở hiện tại: Thôn M, xã T, thành phố Đ (Thôn M, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Q cũ); Nghề nghiệp: lao động phổ thông; Trình độ học vấn: Lớp 9/12; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con bà Nguyễn Thị L2 (sinh năm 1969);

Tiền án, tiền sự: Không có;

Bị cáo có vợ Võ Thị Thúy H1 (sinh năm 2003) và có 01 con, sinh năm 2024;

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 13/3/2025. (Có mặt).

5. Trần Quốc Tuấn K; Giới tính: nam; sinh ngày 02 tháng 9 năm 2006 tại xã T, thành phố Đ (huyện Đ, tỉnh Q cũ); Nơi ĐKKHKT và nơi ở hiện tại: Thôn A, xã T, thành phố Đ (Thôn A, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Q cũ); Nghề nghiệp: lao động phổ thông; Trình độ học vấn: Lớp 9/12; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Trần Quốc K1 (sinh năm 1983) và bà Phạm Thị H2 (sinh năm 1984);

Tiền án: Không có; Tiền sự: Ngày 25/11/2024, bị Trưởng Công an xã Đ, huyện Đ ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính số tiền 1.500.000 đồng về hành vi “Sử dụng trái phép chất ma túy”.

Bị cáo chưa có vợ, con;

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 13/3/2025. (Có mặt).

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1/ Bà: Nguyễn Thị P, sinh năm 1975; trú tại Thôn M, xã T, thành phố Đ. (Có mặt)

2/ Ông: Nguyễn Phi L3, sinh năm 1993; trú tại Thôn T, xã T, thành phố Đ. (Có mặt)

3/ Bà: Trần Thị Thu L, sinh năm 1969; trú tại: Thôn Đ, xã T, thành phố Đ. (Có mặt)

2/ Ông: Trần Quốc K1, sinh năm 1983; trú tại Thôn A, xã T, thành phố Đ. (Có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 16 giờ ngày 01/12/2024, Nguyễn Đình C điều khiển xe mô tô, loại xe Sirius, màu đen, BKS: 92E1-596.37 (xe này của bà Nguyễn Thị P, sinh năm 1975, là mẹ ruột của C) từ nhà đến nhà chị ruột Nguyễn Thị Mai L4 (sinh năm 1994, trú tại: xã Đ, thị xã Đ, tỉnh Quảng nam, nay là xã Đ, thành phố Đà Nẵng) chơi. Sau khi ghé nhà chị L4, C điều khiển xe trên đèn gần cầu P thuộc xã Đ, thị xã Đ, tỉnh Quảng Nam, nay là xã Đ, thành phố Đà Nẵng để mua ma túy về sử dụng. Khi đến nơi, C gặp một người thanh niên (Không rõ lai lịch) đang đứng tại đây. C đi gần lại để hỏi “*Có hàng không?*” (Tức là có ma túy không), người này trả lời: “*Có*”. C nói: “*Bán cho 300.000 đồng*”. C đưa tiền trực tiếp, người này lấy trong túi quần ra một gói thuốc rồi lấy từ trong gói thuốc ra 01 đoạn ống hút nhựa trong suốt, được hàn kín hai đầu, bên trong chứa chất ma túy màu trắng, loại ma túy đá đưa cho C. Sau khi mua được ma túy, C cầm ma túy trên tay, điều khiển xe mô tô trên về lại nhà tại thôn M, xã T, thành phố Đà Nẵng. Đến khoảng 21 giờ cùng ngày, C mang theo bộ dụng cụ sử dụng ma túy do mình tự chế đi ra cánh đồng phía trước nhà, rồi lấy một ít ma túy đá vừa mua lúc chiều đổ vào bộ dụng cụ để sử dụng ma túy một mình. Sau khi sử dụng ma túy xong, C vứt bộ dụng cụ xuống ruộng nước phía trước nhà, còn gói ma túy chưa dùng hết C dùng bật lửa hàn kín lại, cất trong 01 vỏ gói thuốc lá hiệu PRINCE rồi giấu ở khu vực đường bê tông ngay phía trước nhà rồi C đi vào nhà. Đến khoảng 22 giờ cùng ngày, Nguyễn Công H sử dụng điện thoại di động nhãn hiệu Redmi Note 13 gọi cho C qua ứng dụng Zalo từ tài khoản “*Hơi nạt*” của H được đăng ký bằng số điện thoại 0862.634.800 đến tài khoản “*Cuong Nguyen*” của C được đăng ký bằng số điện thoại 0984.413.724. H hỏi “*Có đồ không?*” (Tức là có ma túy không). C trả lời: “*Còn ít*” (Tức là còn ít ma túy). H nói bán cho H 300.000 đồng. C đồng ý, hẹn giao dịch ở đường bê tông phía trước nhà C. H điều khiển xe mô tô, nhãn hiệu Sirius, màu xanh trắng, BKS: 92E1-158.15 (xe này của anh ruột Nguyễn Phi L3, sinh 1993), đi một mình đến điểm hẹn. Khi thấy H đến, C đi ra đường bê tông phía trước nhà gặp H. H đưa cho C số tiền 300.000 đồng. C chỉ vị trí đã để sẵn ma túy cho H lấy. Sau khi giao dịch xong, C vào nhà ngủ, còn H mang ma túy về nhà rồi tự chế bộ dụng cụ sử dụng ma túy, đổ một ít ma túy vừa mua được của C vào “*nỏ*” dùng bật lửa đốt nóng ma túy để sử dụng ma túy một mình. Một ít ma túy còn lại, H cất giữ.

Khoảng 10 giờ ngày 02/12/2024, Lê Hoàng T sử dụng điện thoại di động Redmi Note 8, bên trong gắn sim số 0343.460.087 liên lạc với H qua ứng dụng Messenger từ tài khoản “*Lê Hoàng N*” của T đến tài khoản “*Nguyễn Công H*” của H để rủ H sử dụng ma túy nhưng lúc này H mới ngủ dậy nên không đồng ý với T. Đến 11 giờ 42 phút cùng ngày, H nhắn tin qua Messenger như trên đến Thiện, rủ T sử dụng ma túy, T đồng ý. Khoảng 15 phút sau, T điều khiển xe mô tô, nhãn hiệu BESTSWAN, BKS: 92K5 – 7494 (xe này của mẹ ruột Trần Thị Thu L, sinh năm 1969) một mình đến nhà H. Khi thấy T đến, H lấy 01 bộ dụng cụ sử dụng ma túy, 01 “*tim*” (là dụng cụ được chế từ bật lửa dùng để đốt “*nỏ*” thủy tinh) mà H đã tự chế vào tối ngày 01/12/2024 và 01 phần ma túy đá mua của C còn lại cất vào túi áo khoác rồi nói T chở đến khu vực nghĩa địa thuộc xã Đ, huyện Đ, tỉnh Quảng Nam, nay là thôn T, xã T, thành phố Đà Nẵng để sử dụng ma túy. Đến nơi, H và T ngồi trên nền gạch phần mộ của bà Cao Thị G1, ông

Phạm Văn B. Tại đây, H lấy ma túy đá đổ vào “nổ” thủy tinh của bộ D1 sử dụng ma túy. T lấy bật lửa trong gói thuốc của T đem theo để đốt “tim” rồi dùng “tim” đốt vào “nổ” thủy tinh để T hút ma túy đá. Thiện hút xong chuyển cho H hút ma túy đá. H cầm bật lửa đốt “tim”, T cầm “tim” đốt vào “nổ” thủy tinh để ma túy đá bay hơi cho T hút. Sử dụng ma túy được khoảng 10 phút, H sử dụng điện thoại di động trên nhắn tin đến Nguyễn Thành L1 qua ứng dụng Messenger từ tài khoản “Nguyễn Công H” đến tài khoản “Nguyễn Thành L1” để rủ L1 sử dụng ma túy. L1 đồng ý. Một lát sau, L1 mượn xe mô tô, nhãn hiệu Exciter, BKS: 92E1-52714 của Nguyễn Đình C (*lai lịch nêu trên*) điều khiển đến điểm hẹn sử dụng ma túy đá chung với H và T. Đến nơi, L1 cầm bật lửa đốt “tim”, T cầm “tim” đốt vào “nổ” thủy tinh để ma túy đá bay hơi cho L1 hút. L1 hút xong tiếp tục cầm bật lửa đốt “tim”, T cầm “tim” đốt vào “nổ” thủy tinh cho ma túy bay hơi để T hút. Tiếp đến, L1 cầm bật lửa đốt “tim”, T cầm “tim” đốt vào “nổ” để ma túy đá bay hơi cho H hút. Cứ như vậy, L1, T, H hút mỗi người được 02 hơi ma túy đá thì C điện thoại yêu cầu L1 về trả xe nên L1 đứng dậy rời đi. H và T tiếp tục sử dụng ma túy. Sau khi về trả xe cho C, L1 muốn quay lại để tiếp tục sử dụng ma túy nên L1 gọi điện cho Trần Quốc Tuấn K qua ứng dụng Messenger từ tài khoản “Nguyễn Thành L1” đến tài khoản “Kiệt Trần” của K rủ K đến khu vực nghĩa địa thuộc thôn T, xã T, thành phố Đà Nẵng để sử dụng ma túy, K đồng ý. Sau đó, K điều khiển xe mô tô, nhãn hiệu Vision, BKS: 92E1-392.32 (*xe này của cha ruột Trần Quốc K1, sinh năm 1983*) đến nhà chờ L1 rồi cùng nhau đến khu vực nghĩa địa trên để sử dụng ma túy. Khi L1 và K đang đi, H gọi L1 qua ứng dụng Messenger như trên nhờ L1 mua nước ngọt và xăng. Lúc này, L1 nói cho H biết là đang nhờ K chở L1 quay lại để sử dụng ma túy. Khi L1 và K vừa đến nơi, H mượn xe mô tô của K đi về nhà lấy điện thoại để sử dụng, còn K, L1, T tiếp tục sử dụng ma túy. K cầm bật lửa đốt “tim”, T cầm “tim” đốt vào “nổ” thủy tinh để ma túy đá bay hơi cho K hút. K hút xong cầm bật lửa đốt “tim”, T cầm “tim” đốt vào “nổ” để ma túy đá bay hơi cho L1 hút. Sau đó K tiếp tục cầm bật lửa đốt vào “tim”, T cầm “tim” đốt vào “nổ” để ma túy đá bay hơi cho T hút ma túy đá. Trong lúc, T, L1, K đang sử dụng ma túy, L1 phát hiện Tổ công tác Công an xã Đ kiểm tra. L1 nói: “*Có Công an tới*” thì L1, K và T đứng dậy bỏ chạy. T cầm theo bộ dụng cụ sử dụng ma túy bỏ chạy và vút tại khu vực nghĩa địa, cách nơi sử dụng ma túy khoảng 50 mét. Tổ công tác giữ được L1 và T, đồng thời tạm giữ bộ dụng cụ sử dụng ma túy đá cùng các đồ vật, tài liệu liên quan và đưa về trụ sở làm việc. Lần lượt các ngày 03 và 04/12/2024, Công an xã Đ (nay là Công an xã H) mời K, H đến làm việc. Sau khi làm việc, Công an tiến hành thử test nhanh chất ma túy trong người, cho kết quả: Hân, K, L1 và T đều dương tính với chất ma túy, loại: Methamphetamine.

Tại Kết luận giám định số 2733/KL-KTHS ngày 24/12/2024 của Phân viện Khoa học hình sự tại thành phố Đà Nẵng kết luận: trong bộ dụng cụ tự chế gửi giám định có tìm thấy chất ma túy, loại Methamphetamine; lượng chất ma túy Methamphetamine bám dính rất ít nên không xác định được khối lượng.

Ngoài ra, quá trình điều tra, bị can Nguyễn Công H và Lê Hoàng T còn khai nhận việc sử dụng ma túy vào giữa tháng 11/2024, cụ thể: khoảng giữa tháng 11/2024, Nguyễn Công H có nhu cầu sử dụng ma túy nên điều khiển xe mô tô,

nhãn hiệu Sirius, BKS: 92E1-158.15, màu xanh trắng đến khu vực cầu P thuộc xã Đ, thị xã Đ, tỉnh Quảng Nam, nay là xã Đ, thành phố Đà Nẵng để tìm mua ma túy. Tại đây, H gặp một người thanh niên (*không rõ lai lịch*), H hỏi: “*Có hàng không?*”, người này nói “*Có*”. H nói: “*bán 200.000 đồng*”. H đưa tiền mặt rồi người này lấy trong áo ra 01 đoạn ống hút nhựa trong suốt, được hàn kín hai đầu, bên trong chứa chất ma túy màu trắng, dạng ma túy đá. Sau khi mua được ma túy, H về nhà liên lạc với Lê Hoàng T qua ứng dụng Messenger như trên rồi T sử dụng ma túy. Sau đó, T điều khiển xe mô tô BKS: 92K5-7494 đến nhà chờ H rồi cùng nhau đến nghĩa địa thuộc thôn T, xã Đ, huyện Đ để cùng sử dụng ma túy. Khi đến nơi, H lấy trong áo ra 01 bộ dụng cụ sử dụng ma túy, 01 “*tim*” do H tự chế, 01 bật lửa và 01 gói ma túy đá. H cầm bật lửa vào “*nổ*” thủy tinh của bộ D1 sử dụng ma túy. T dùng bật lửa đốt “*tim*” rồi dùng “*tim*” đốt vào “*nổ*” thủy tinh để T hút ma túy đá. T hút xong thì chuyển cho H hút ma túy đá. H cầm bật lửa đốt “*tim*”, T cầm “*tim*” đốt vào “*nổ*” thủy tinh để ma túy đá bay hơi cho H hút. H và T thay phiên nhau đốt và hút ma túy đến hết thì nghỉ. Ngoài H và T ra thì không còn ai khác sử dụng ma túy cùng. (bút lục số: 83-91, 189-207, 219-254, 269-297, 314-347, 356-384).

Vật chứng thu giữ: Cơ quan Cảnh sát điều tra đã quyết định tạm giữ:

- 01 bộ dụng cụ sử dụng trái phép chất ma túy gồm: 01 bình nhựa, trên bình nhựa có gắn nắp nhựa màu đen, trên nắp nhựa có đục 02 lỗ tròn, 01 lỗ có gắn ống hút bằng thủy tinh, một bên đầu ống hút có dạng hình cầu gỗ, đầu ống hút còn lại có kết nối với một đoạn ống hút bằng nhựa (gắn cố định trên nắp chai), 01 lỗ còn lại trên nắp chai gắn ống hút nhựa để sử dụng ma túy. (*Sau khi giám định, tất cả vật chứng trên đã được hoàn lại trong 01 phong bì niêm phong số 2733/KL-KTHS của Phân viện KHHS tại thành phố Đà Nẵng*);

- Cửa Nguyễn Đình C 01 điện thoại di động, nhãn hiệu OPPO F1s, số IMEI 1: 864212033193356, số IMEI 2: 864212033193349, bên trong gắn sim số 0984.413.724;

- Cửa Nguyễn Công H 01 điện thoại nhãn hiệu Redmi Note: 13, vỏ màu vàng nhạt, số IMEI1: 869542063724968, IMEI2: 869542063724976;

- Cửa Lê Hoàng T 01 xe mô tô, nhãn hiệu BESTSWAN, BKS: 92K5-7494 và 01 điện thoại nhãn hiệu Redmi Note8, vỏ màu đen, số IMEI1: 865191041393662, IMEI2: 065191041393670;

- Cửa Nguyễn Thành L1 01 điện thoại nhãn hiệu Samsung Galaxy A05, vỏ màu đen, số IMEI1: 354035906625833, IMEI2: 354978666625834;

- Cửa Trần Quốc Tuấn K 01 điện thoại nhãn hiệu Samsung Galaxy A04, vỏ màu hồng, số IMEI1: 353263212416132, số IMEI2: 359377372416130.

Tại bản Cáo trạng số 06/CT-VKSKV11-HS ngày 28/8/2025 của Viện kiểm sát nhân dân khu vực 11-Đà Nẵng truy tố bị cáo Nguyễn Đình C về tội “*Mua bán trái phép chất ma túy*” theo quy định tại khoản 1 Điều 251 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017 (Viết tắt là BLHS); các bị cáo Nguyễn Công H, Lê Hoàng T về tội “*Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy*” quy định tại các điểm a, b khoản 2 Điều 255 BLHS; các bị cáo Nguyễn Thành L1 và Trần Quốc Tuấn K về tội “*Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy*” quy định tại điểm b khoản 2 Điều 255 BLHS.

Tại phiên tòa:

Đại diện VKSND khu vực 11-Đà Nẵng thực hành quyền công tố và kiểm sát xét xử giữ nguyên nội dung bản cáo trạng truy tố. Qua xem xét tính chất của vụ án, động cơ, mục đích thực hiện hành vi, nhân thân và các tình tiết giảm nhẹ của các bị cáo, Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử:

- Căn cứ khoản 1 Điều 251, điểm s Khoản 1 Điều 51, Điều 38 BLHS đối với bị cáo Nguyễn Đình C. Tuyên bố bị cáo Nguyễn Đình C phạm tội “*Mua bán trái phép chất ma túy*”. Xử phạt bị cáo Nguyễn Đình C từ 03 năm (Ba) đến 04 (Bốn) năm tù.

- Căn cứ các điểm a, b Khoản 2 Điều 255; điểm s, r Khoản 1 Điều 51; Điều 38 BLHS đối với bị cáo Nguyễn Công H; Căn cứ các điểm a, b Khoản 2 Điều 255; điểm s, r Khoản 1, Khoản 2 Điều 51; Điều 38 BLHS đối với Lê Hoàng T. Tuyên bố các bị cáo Nguyễn Công H, Lê Hoàng T phạm tội “*Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy*”. Xử phạt bị cáo Nguyễn Công H từ 08 (Tám) năm đến 09 (Chín) năm tù. Xử phạt bị cáo Lê Hoàng T từ 07 (Bảy) năm 06 (Sáu) tháng đến 08 (Tám) năm tù.

- Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 255; điểm s Khoản 1, Khoản 2 Điều 51; Điều 38 BLHS đối với các bị cáo Nguyễn Thành L1 và Trần Quốc Tuấn K. Tuyên bố các bị cáo Nguyễn Thành L1 và Trần Quốc Tuấn K phạm tội “*Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy*”. Xử phạt bị cáo Nguyễn Thành L1 từ 07 (Bảy) năm đến 07 (Bảy) năm 06 (Sáu) tháng tù. Xử phạt bị cáo Trần Quốc Tuấn K từ 07 (Bảy) năm đến 07 (Bảy) năm 06 (Sáu) tháng tù.

- Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án đã cho các bị cáo mượn và sử dụng xe mô tô nhưng không biết về hành vi phạm tội của các bị cáo, nên không có cơ sở xem xét trách nhiệm.

- Đồng thời, đề nghị xử lý vật chứng và các vấn đề liên quan khác trong vụ án.

Các bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội như bản cáo trạng truy tố và thống nhất ý kiến luận tội của Kiểm sát viên, không có ý kiến bào chữa, chỉ đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện tài liệu, chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, của các bị cáo, người tham gia tố tụng khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] Về tố tụng: Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có ý kiến hoặc khiếu nại gì về các hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Xét về tội danh và định khung hình phạt:

[2.1] Lời khai nhận của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của các bị cáo tại cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác có tại hồ sơ vụ án. Hội đồng xét xử xác định được: Khoảng 16 giờ ngày 01/12/2024, bị cáo Nguyễn Đình C mua 01 gói ma túy, loại Methamphetamine giá 300.000 đồng của một người thanh niên (không rõ lai lịch) để về sử dụng một mình một ít, phần còn lại bị cáo C cất giấu để bán cho người khác. Khoảng 22 giờ cùng ngày, bị cáo C đã bán phần ma túy còn lại cho bị cáo Nguyễn Công H với giá 300.000 đồng. Mua xong, bị cáo H về nhà sử dụng một ít, còn lại bị cáo H cất giữ. Đến khoảng 12 giờ ngày 02/12/2024, bị cáo H chuẩn bị số ma túy còn lại trên và dụng cụ sử dụng ma túy, rủ bị cáo Lê Hoàng T đến khu nghĩa địa thuộc thôn T, xã T, thành phố Đà Nẵng để tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy. Bị cáo H là người đổ ma túy vào bộ dụng cụ sử dụng ma túy, còn bị cáo T sử dụng bật lửa do mình mang theo để đốt, nấu ma túy cho bị cáo H, bị cáo T sử dụng. Sử dụng ma túy được khoảng 10 phút, bị cáo H nhắn tin đến bị cáo Nguyễn Thành L1 để rủ sử dụng ma túy, bị cáo L1 đồng ý và đến chỗ bị cáo H và T. Quá trình sử dụng ma túy, T, H, L1 thay phiên nhau cầm tim, đốt nỏ và hút ma túy đá. Hút được vài hơi thì bị cáo L1 về trả xe cho bị cáo C và đồng thời bị cáo L1 rủ thêm bị cáo Trần Quốc Tuấn K cùng đến chỗ khu nghĩa địa thuộc thôn T để tham gia sử dụng trái phép chất ma túy. Thấy bị cáo K tới, bị cáo H biết là đến tham gia sử dụng ma túy, bị cáo H mượn xe mô tô của bị cáo K về nhà. Tại đây, các bị cáo K, T và L1 có hành vi thay nhau cầm bật lửa đốt vào tim và cầm tim đốt vào nỏ thủy tinh cho ma túy đá bay hơi rồi cùng sử dụng trái phép chất ma túy cho đến khi Công an vào kiểm tra, phát hiện sự việc. Ngoài ra, khoảng giữa tháng 11/2024, tại địa điểm nêu trên, bị cáo Nguyễn Công H và bị cáo Lê Hoàng T cùng nhau tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy. Trong đó, bị cáo H là người chuẩn bị ma túy và bộ dụng cụ sử dụng; bị cáo T là người điều khiển xe mô tô chở bị cáo H đến nơi sử dụng ma túy, dùng bật lửa để đốt nấu ma túy cùng bị cáo H sử dụng trái phép.

[2.2] Căn cứ vào hành vi của các bị cáo đã thực hiện, căn cứ Bản kết luận giám định, đối chiếu với các quy định của pháp luật. Hội đồng xét xử xét thấy, các bị cáo là người đã trưởng thành, có đầy đủ khả năng nhận thức và năng lực chịu trách nhiệm hình sự, các bị cáo biết rõ ma túy là chất gây nghiện, có nhiều tác hại cho sức khỏe của con người, gây nguy hiểm cho gia đình và xã hội, Nhà nước nghiêm cấm mọi hành vi trái phép liên quan đến ma túy, nhưng vì để thỏa mãn cơn nghiện các bị cáo đã bất chấp pháp luật thực hiện các hành vi như trên. Do đó, có đủ cơ sở kết luận hành vi của bị cáo Nguyễn Đình C phạm tội “*Mua bán trái phép chất ma túy*” theo Khoản 1 Điều 251 BLHS; các bị cáo Nguyễn Công H, Lê Hoàng T phạm tội “*Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy*” theo điểm a, b khoản 2 Điều 255 BLHS; các bị cáo Nguyễn Thành L1 và Trần Quốc Tuấn K phạm tội “*Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy*” theo điểm b khoản 2 Điều 255 BLHS. Bản cáo trạng truy tố và ý kiến luận tội của Kiểm sát viên tại phiên tòa là có căn cứ, đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

[3] Xét về tính chất vụ án, động cơ, mục đích, vai trò, nhân thân và các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của từng bị cáo:

[3.1] Xét về tính chất vụ án là rất nghiêm trọng, xâm phạm chế độ độc quyền quản lý của Nhà nước về ma túy, việc tổ chức sử dụng và đưa các chất ma túy trái phép vào cơ thể con người là rất nguy hiểm, ảnh hưởng đến sức khỏe, nguy cơ phát sinh các hành vi vi phạm pháp luật khác, nên cần phải xử lý nghiêm khắc, áp dụng hình phạt tù có thời hạn tương xứng với mức độ, hậu quả của hành vi để răn đe, phòng ngừa và giáo dục chung cho xã hội.

[3.2] Động cơ, mục đích thực hiện hành vi của bị cáo: Để thỏa mãn cơn nghiện.

[3.3] Xét về vai trò của từng bị cáo: Bị cáo Nguyễn Đình C là người tự đi mua ma túy một mình để về sử dụng và bán số ma túy còn lại cho bị cáo H, bị cáo C không biết mục đích mua ma túy của bị cáo H, do đó bị cáo C chịu trách nhiệm độc lập về hành vi bán ma túy, nhưng đồng thời cũng phải bị xem xét là gián tiếp tạo điều kiện cho bị cáo Nguyễn Công H tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy. Bị cáo Nguyễn Công H là người khởi xướng, chủ động chuẩn bị ma túy, các dụng cụ để tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy và có 02 lần tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy với bị cáo Lê Hoàng T, nên bị cáo H là người chịu trách nhiệm hình sự cao nhất trong vụ án. Bị cáo Lê Hoàng T tuy không phải là người ma túy, không phải là người chuẩn bị các dụng cụ sử dụng ma túy nhưng tích cực tham gia tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy 02 lần và đối với 02 người trở lên (đều cùng với bị cáo H) nên phải chịu trách nhiệm hình sự cao thứ hai. Bị cáo Nguyễn Thành L1 là người rủ rê bị cáo Trần Quốc Tuấn K tham gia tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy nên chịu trách nhiệm hình sự cao thứ ba. Bị cáo Trần Quốc Tuấn K tham gia tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy lần đầu và do bị cáo L1 rủ rê nên chịu trách nhiệm hình sự thấp hơn bị cáo L1.

[3.4] Tình tiết giảm nhẹ: Các bị cáo đều thành khẩn khai báo, ăn năn, hối cải về hành vi phạm tội nên được xem xét áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo điểm s Khoản 1 Điều 51 BLHS; Bị cáo Nguyễn Công H và bị cáo Lê Hoàng T đã tự thú về hành vi tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy vào tháng 11/2024, nên được xem xét áp dụng thêm tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo điểm r Khoản 1 Điều 51 BLHS; Gia đình các bị cáo đều có hoàn cảnh khó khăn (bị cáo C có 02 con còn nhỏ, bị cáo L1 có 01 con còn nhỏ), bị cáo L1 và bị cáo T có tham gia nghĩa vụ quân sự, gia đình bị cáo K có công với Nhà nước đây tình tiết giảm nhẹ theo Khoản 2 Điều 51 BLHS.

[3.5] Xét về nhân thân: Bị cáo Nguyễn Đình C có nhân thân xấu (đã bị xử lý hành chính vào năm 2014, bị xử phạt tù vào năm 2015); Bị cáo Lê Hoàng T có nhân thân xấu (đã bị xử phạt tù vào năm 2022); Bị cáo Trần Quốc Tuấn K có tiền sự: ngày 25/11/2024 bị Công an xã Đ ra quyết định xử phạt hành chính số tiền 1.500.000 đồng về hành vi “Sử dụng trái phép chất ma túy”, đã nộp phạt xong.

[4] Về xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 47 BLHS và Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự. Xét thấy:

- Đối với số tiền 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) bị cáo Nguyễn Đình C có được từ hành vi bán ma túy cho bị cáo Nguyễn Công H là tiền do phạm tội mà có nên truy thu để sung vào ngân sách Nhà nước.

- Đối với 01 (*Một*) bộ dụng cụ sử dụng tự chế gồm: 01 (*Một*) bình nhựa có gắn nắp nhựa màu đen, trên nắp nhựa có đục 02 (*Hai*) lỗ tròn, trong đó: 01 (*Một*)

lỗ có gắn ống hút bằng thủy tinh, một bên đầu ống hút có dạng hình cầu (bị vỡ), đầu ống hút còn lại có kết nối với một đoạn ống hút bằng nhựa (gắn cố định trên nắp chai); 01 (Một) lỗ còn lại trên nắp chai gắn ống hút nhựa màu cam, là phương tiện phạm tội, không có giá trị sử dụng, nên tịch thu để tiêu hủy.

- Đối với các tài sản gồm: 01 (Một) điện thoại di động, nhãn hiệu OPPO F1s, số IMEI 1: 864212033193356, số IMEI 2: 864212033193349 của Nguyễn Đình C; 01 (Một) điện thoại nhãn hiệu Redmi Note: 13, vỏ màu vàng nhạt, số IMEI1: 869542063724968, IMEI2: 869542063724976 của Nguyễn Công H; 01 (Một) điện thoại nhãn hiệu Redmi Note8, vỏ màu đen, số IMEI1: 865191041393662, IMEI2: 065191041393670 của Lê Hoàng T; 01 (Một) điện thoại nhãn hiệu Samsung Galaxy A05, vỏ màu đen, số IMEI1: 354035906625833, IMEI2: 354978666625834 của Nguyễn Thành L1; 01 (Một) điện thoại nhãn hiệu Samsung Galaxy A04, vỏ màu hồng, số IMEI1: 353263212416132, số IMEI2: 359377372416130 của Trần Quốc Tuấn K. Tất cả đều là phương tiện phạm tội nên tịch thu để sung vào ngân sách Nhà nước.

- Đối với 01 (Một) sim số 0984.413.724 của Nguyễn Đình C (*gắn trong điện thoại di động, nhãn hiệu OPPO F1s, số IMEI 1: 864212033193356, số IMEI 2: 864212033193349 của Nguyễn Đình C như trên*) cũng là phương tiện phạm tội, không còn giá trị sử dụng nên tịch thu để tiêu hủy.

- Đối với 01 (Một) xe mô tô BKS: 92K5-7494 chủ sở hữu hợp pháp là bà Trần Thị Thu L, bà L không liên quan và không biết về hành vi phạm tội bị cáo Lê Hoàng T, nên Cơ quan điều tra đã trả lại cho bà L5 là đúng quy định.

[5] Vấn đề khác:

- Đối với hai người thanh niên đã bán ma túy cho bị cáo Nguyễn Đình C vào ngày 01/12/2024 và cho bị cáo Nguyễn Công H vào giữa tháng 11/2024 quá trình điều tra, Cơ quan CSĐT không xác định được nhân thân, lai lịch nên không có cơ sở xem xét để xử lý.

- Đối với hành vi “*Sử dụng trái phép chất ma túy*” của các bị cáo Nguyễn Đình C, Nguyễn Công H, Lê Hoàng T, Nguyễn Thành L1, Trần Quốc Tuấn K, Cơ quan CSĐT đã chuyển hồ sơ đến Phòng PC04 Công an tỉnh Q để xử phạt vi phạm hành chính là đúng quy định pháp luật.

- Đối với hành vi “*Điều khiển xe mô tô mà trong cơ thể có chất ma túy*” của bị cáo Nguyễn Công H, Nguyễn Thành L1: Cơ quan CSĐT đã chuyển hồ sơ đến Phòng PC08 Công an tỉnh Q để xử phạt vi phạm hành chính là đúng quy định pháp luật.

- Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án đã cho các bị cáo mượn và sử dụng xe mô tô nhưng không biết về hành vi phạm tội của các bị cáo, nên không có cơ sở xem xét trách nhiệm.

[6] Về quan điểm luận tội của Kiểm sát viên tại phiên tòa là có cơ sở, đúng quy định pháp luật và phù hợp với tính chất vụ án, các tình tiết giảm nhẹ, nhân thân, vai trò của từng bị cáo nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[7] Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

1. Về trách nhiệm hình sự:

- Căn cứ khoản 1 Điều 251; điểm s Khoản 1, Khoản 2 Điều 51; Điều 38 BLHS đối với bị cáo Nguyễn Đình C. Tuyên bố bị cáo Nguyễn Đình C phạm tội “*Mua bán trái phép chất ma túy*”:

Xử phạt bị cáo Nguyễn Đình C 03 (Ba) năm tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị bắt tạm giam là ngày 13/3/2025.

- Căn cứ các điểm a, b Khoản 2 Điều 255; điểm s, r Khoản 1, Khoản 2 Điều 51; Điều 38 BLHS đối với các bị cáo Nguyễn Công H, Lê Hoàng T. Tuyên bố các bị cáo Nguyễn Công H, Lê Hoàng T phạm tội “*Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy*”:

Xử phạt bị cáo Nguyễn Công H 08 (Tám) năm 06 (Sáu) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị bắt tạm giam là ngày 13/3/2025.

Xử phạt bị cáo Lê Hoàng T 08 (Tám) năm tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị bắt tạm giam là ngày 13/3/2025.

- Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 255; điểm s Khoản 1, Khoản 2 Điều 51; Điều 38 BLHS đối với các bị cáo Nguyễn Thành L1 và Trần Quốc Tuấn K. Tuyên bố các bị cáo Nguyễn Thành L1 và Trần Quốc Tuấn K phạm tội “*Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy*”:

Xử phạt bị cáo Nguyễn Thành L1 07 (Bảy) năm 06 (Sáu) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị bắt tạm giam là ngày 13/3/2025.

Xử phạt bị cáo Trần Quốc Tuấn K 07 (Bảy) năm tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị bắt tạm giam là ngày 13/3/2025.

Tiếp tục tạm giam các bị cáo trong thời hạn 45 (Bốn mươi lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (ngày 25/9/2025) để đảm bảo thi hành án.

2. Về xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 47 BLHS và Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự:

- Tịch thu để sung vào ngân sách Nhà nước đối với các tài sản gồm:

+ 01 (Một) điện thoại di động, nhãn hiệu OPPO F1s, số IMEI 1: 864212033193356, số IMEI 2: 864212033193349, bên trong gắn sim số 0984.413.724 của bị cáo Nguyễn Đình C.

+ 01 (Một) điện thoại nhãn hiệu Redmi Note: 13, vỏ màu vàng nhạt, số IMEI1: 869542063724968, IMEI2: 869542063724976 của bị cáo Nguyễn Công H.

+ 01 (Một) điện thoại nhãn hiệu Redmi Note8, vỏ màu đen, số IMEI1: 865191041393662, IMEI2: 065191041393670 của bị cáo Lê Hoàng T.

+ 01 (Một) điện thoại nhãn hiệu Samsung Galaxy A05, vỏ màu đen, số IMEI1: 354035906625833, IMEI2: 354978666625834 của bị cáo Nguyễn Thành L1.

+ 01 (Một) điện thoại nhãn hiệu Samsung Galaxy A04, vỏ màu hồng, số IMEI1: 353263212416132, số IMEI2: 359377372416130 của bị cáo Trần Quốc Tuấn K.

- Tịch thu để tiêu hủy 01 (Một) sim số 0984.413.724 của Nguyễn Đình C (gắn trong điện thoại di động, nhãn hiệu OPPO F1s, số IMEI 1: 864212033193356, số IMEI 2: 864212033193349 của Nguyễn Đình C như trên).

- Tịch thu để tiêu hủy 01 (Một) phong bì niêm phong số 2733/KL-KTHS dán kín, mặt sau tại mép dán niêm phong có dấu đỏ của Phân viện Khoa học hình sự tại thành phố Đà Nẵng, bên trong phong bì có 01 (Một) bộ dụng cụ tự chế gồm: 01 (Một) bình nhựa có gắn nắp nhựa màu đen, trên nắp nhựa có đục 02 (Hai) lỗ tròn, trong đó: 01 (Một) lỗ có gắn ống hút bằng thủy tinh, một bên đầu ống hút có dạng hình cầu (bị vỡ), đầu ống hút còn lại có kết nối với một đoạn ống hút bằng nhựa (gắn cố định trên nắp chai); 01 (Một) lỗ còn lại trên nắp chai gắn ống hút nhựa màu cam.

(Tất cả vật chứng trên đã được giao cho Phòng Thi hành án dân sự khu vực 11-Đà Nẵng theo Biên bản giao nhận vật chứng, tài sản ngày 15/9/2025).

- Truy thu số tiền 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) của bị cáo Nguyễn Đình C để sung vào ngân sách Nhà nước.

- Đối với 06 (Sáu) đĩa DVD chứa nội dung ghi âm, ghi hình về việc hỏi cung các bị can tiếp tục lưu trữ trong hồ sơ vụ án.

3. Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên buộc các bị cáo Nguyễn Đình C, Nguyễn Công H, Lê Hoàng T, Nguyễn Thành L1, Trần Quốc Tuấn K mỗi bị cáo phải nộp số tiền 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo:

Các bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm để yêu cầu Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng giải quyết theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các cơ quan tiến hành tố tụng;
- Người tham gia tố tụng;
- Công an thành phố Đà Nẵng (PV06);
- Lưu: Hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

ALăng Ping

HỘI THẨM NHÂN DÂN

**THẨM PHÁN
CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hồ Xuân Ngân

Võ Đình Vinh

ALăng Ping

